

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Giới và Phát triển trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Giới và Phát triển trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 17 ngày 15/02/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Giới và Phát triển trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Giới và Phát triển trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Giới và Phát triển trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 47 tiêu chí (chiếm 94%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Phụ nữ Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Giới và Phát triển trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Giới và Phát triển trình độ đại học cho Học viện Phụ nữ Việt Nam theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện Phụ nữ Việt Nam;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	5	4,33	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	4	4,29	7	100
Tiêu chí 6.2	5			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	4	4,33	6	100
Tiêu chí 10.2	5			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	5			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,08	47	94

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)



I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Giới và Phát triển trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mệnh của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi hoàn thành CTĐT, phản ánh được yêu cầu của xã hội, yêu cầu của lĩnh vực nghề nghiệp, được rà soát, được điều chỉnh và được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ các thông tin cần thiết theo quy định, được rà soát, điều chỉnh cập nhật những vấn đề mới của lĩnh vực giới và phát triển trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan và tham khảo CTĐT cùng ngành của các trường đại học khác. Đề cương chi tiết của tất cả các học phần trong chương trình dạy học có đầy đủ thông tin, được rà soát, điều chỉnh, cập nhật và công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Nội dung và cấu trúc của chương trình dạy học được thiết kế theo các chuẩn đầu ra của CTĐT, với các khối kiến thức và các học phần tương ứng. Tổ hợp các phương pháp dạy, học và phương pháp kiểm tra đánh giá người học được xác định phù hợp với tính chất, nội dung, yêu cầu của các học phần cụ thể. Chuẩn đầu ra trong các đề cương học phần đã thể hiện được sự tương thích về nội dung và mức đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT. Các ma trận kỹ năng được xây dựng đã thể hiện sự đóng góp nhất định của học phần vào các chuẩn đầu ra của chương trình dạy học. Các đề cương chi tiết học phần đều ghi rõ phương pháp dạy và học hướng đến đạt chuẩn đầu ra; tổ hợp các phương thức đánh giá kết quả học tập được xác định phù hợp bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

4. Triết lý giáo dục của Học viện được ban hành và công bố công khai, được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, người học để thực hiện và các bên liên quan khác. Tất cả các đề cương học phần của chương trình dạy học đã nêu rõ được việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập cũng như nhiệm vụ của người học để rèn luyện các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu. Các học phần đều yêu cầu và dành thời gian cho người học tự đọc/nghiên cứu tài liệu với khoảng thời gian phù hợp theo số tín chỉ của học phần. giảng viên đã sử dụng

các phương pháp giảng dạy phù hợp ở từng học phần đã hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học suốt đời, đồng thời đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá, hoạt động nghiên cứu khoa học để hướng đến rèn luyện, phát triển các năng lực cơ bản cho học tập suốt đời.

5. Hệ thống các văn bản quy định về đánh giá kết quả của người học được ban hành đầy đủ và thông báo công khai. Người học được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trong tuần lễ sinh hoạt giáo dục định hướng từ khi mới nhập học, được làm quen với Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện. Người học đã hài lòng về kết quả phản hồi và không có khiếu nại nào.

6. Việc quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, quản trị công việc, đánh giá công việc của đội ngũ giảng viên được quy định đầy đủ, rõ ràng. Quy trình tuyển dụng thực hiện theo ISO 9001:2015 các phiên bản năm 2019, sửa đổi năm 2022. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên cao hơn nhiều so với mục tiêu chiến lược đã ban hành. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí việc làm, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại, chi trả thu nhập... Việc xác định, đánh giá năng lực giảng viên được rà soát, cải tiến theo thời gian. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đáp ứng nhu cầu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Việc quản trị công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện tốt, có sử dụng phần mềm để theo dõi, có quy định đầy đủ về loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu khoa học đạt kết quả khá tốt thể hiện qua các sản phẩm trong nước lẫn nước ngoài.

7. Đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng trong bảng mô tả, định mức vị trí việc làm. Tiêu chí tuyển chọn, bổ nhiệm, điều chuyển được quy định rõ ràng, công bố công khai. Quy định tuyển dụng và bổ nhiệm và sử dụng đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng. Năng lực đội ngũ nhân viên được đánh giá, công nhận đúng quy định. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy định về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động, có báo cáo kết quả cụ thể theo từng năm.

8. Chính sách, quy định, tiêu chí, phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, đúng quy định, được rà soát và công bố công khai hàng năm. Hoạt động tư vấn tuyển sinh tiến hành đa dạng về hình thức, qua nhiều kênh và hiệu quả. Hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của sinh viên được quy định rõ ràng, có bộ phận/cán bộ chuyên trách triển khai thực hiện. Hoạt động hướng nghiệp, tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên được tổ chức phong phú, đa dạng, hiệu quả. Môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý, xã hội an toàn, thân thiện, đáp ứng hoạt động học tập, sinh hoạt của sinh viên. Sinh viên hài lòng với hoạt động tư vấn, hỗ trợ, môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý, xã hội của Học viện.

9. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, hội trường và các phòng chức năng và trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, được thiết kế thư viện mở thoáng mát, yên tĩnh có không gian đọc dành riêng cho cán bộ, giảng viên và cho sinh viên; có nguồn

học liệu, đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy. CTĐT có phòng thực hành tin học chung với các ngành đào tạo khác được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, đầy đủ, được duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp hàng năm phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy. Công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định rõ ràng, được quản lý và thực hiện hiệu quả.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT được xây dựng và thực hiện. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Học viện được xây dựng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 được công nhận, rà soát, cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám đốc đến các cơ quan đơn vị và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng.

11. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập, giám sát và cập nhật hàng năm. Tỷ lệ sinh viên thôi học có xu hướng giảm và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng tăng trong chu kỳ đánh giá. Học viện đã có những hoạt động hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp giúp sinh viên tìm kiếm việc làm và nhờ đó mà tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm tương đối cao (94,4%). Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên khá tốt, thể hiện qua việc thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu, đạt nhiều giải thưởng các cấp, có công bố quốc tế và trong nước cùng với giảng viên. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được khảo sát, đối sánh giữa các lần khảo sát để cải tiến chất lượng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát lại mục tiêu chung của CTĐT, mang tính khái quát những kết quả chính, mà Học viện kỳ vọng người học sẽ đạt được từ CTĐT; rà soát lại các chuẩn đầu ra của CTĐT để thể hiện rõ nét hơn các yêu cầu mức năng lực; xây dựng các chỉ báo cho các chuẩn đầu ra để thuận tiện cho việc đo lường, đánh giá; sử dụng triệt để kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để có đầy đủ thông tin phục vụ trực tiếp cho việc rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT.

2. Tập hợp các đề cương học phần của CTĐT và đóng quyền, đảm bảo tất cả các đề cương học phần trở thành văn bản chính thức của Học viện, tạo thuận

lợi cho việc theo dõi và quản lý CTĐT; bổ sung ma trận giữa các chương/bài với chuẩn đầu ra và ma trận kết nối giữa các phương pháp giảng dạy, học tập với chuẩn đầu ra; thường xuyên rà soát các đề cương chi tiết học phần, cập nhật, bổ sung các thông tin cần thiết cũng như các tài liệu.

3. Làm rõ nét hơn những vấn đề giới và sự tác động của giới trong kỷ nguyên AI, chuyên đổi số và cách mạng công nghệ 4.0... trong việc thiết kế chương trình dạy học; rà soát ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; xác định mức đóng góp các học phần trong CTĐT vào việc đạt chuẩn đầu ra; xây dựng thang đo phù hợp để đánh giá đúng mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm.

4. Thiết lập cơ chế hiệu quả thúc đẩy việc đổi mới phương pháp dạy học; có cơ chế và biện pháp tích cực, hữu hiệu để kích hoạt tính tích cực của người học trong quá trình học tập; tăng cường hơn nữa việc phổ biến đa dạng các phương pháp học tập cho người học, nhất là các phương pháp học tập gắn với thực tế; quan tâm nhiều hơn nữa đến việc bổ sung các trang thiết bị phù hợp phục vụ/hỗ trợ hoạt động dạy và học ở một số học phần đặc thù của ngành Giới và Phát triển.

5. Phân tích kết quả điểm thi các học phần, các phương pháp thi ở từng học kỳ một cách chi tiết, lập phổ điểm của các học phần, của các phương pháp kiểm tra, đánh giá để từ đó rút kinh nghiệm, đề xuất cho công tác ra đề và lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với từng học phần; sử dụng các công nghệ hiện đại để định lượng đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi và phương pháp thi của học phần để tạo lập được các câu hỏi thi/đề thi chuẩn hóa của một ngân hàng câu hỏi thi đo lường được chính xác mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra; tăng cường công tác hậu kiểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi vào phần mềm quản lý đào tạo, để tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

6. Rà soát, điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trong Chiến lược/Kế hoạch chiến lược cho phù hợp với tình hình mới; xây dựng kế hoạch dài hạn đầy đủ các nội dung để đảm bảo đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo có trình độ tiến sĩ và chức danh khoa học; xây dựng, ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực KPIs để đánh giá đầy đủ các năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; đa dạng hình thức đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên ở trong và ngoài nước (tạo điều kiện và khai thác kinh phí từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để giảng viên đi hội thảo, trao đổi học tập quốc tế); xây dựng và ban hành quy chế tuyển dụng lao động trên cơ sở quy định của cấp trên và yêu cầu phát triển của Học viện; lập kế hoạch hoạt động khoa học dài hạn theo mục tiêu trong Chiến lược phát triển của Học viện; đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học giữa các khoa/CTĐT làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học giữa các đơn vị để hàng năm điều chỉnh, cải tiến phù hợp.

7. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên theo giai đoạn, dựa trên quy mô đào tạo và lĩnh vực đào tạo của Học viện làm căn cứ để giám sát, đánh

giá và điều chỉnh bảng mô tả, định mức vị trí việc làm; khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng làm căn cứ xây dựng kế hoạch dài hạn nhằm phát triển kỹ năng, nghiệp vụ các vị trí theo đề án vị trí việc làm và bộ chỉ số đánh giá KPIs; rà soát Quy định đánh giá kết quả công việc trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu phát triển của Học viện nhằm khuyến khích động viên nhân viên nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

8. Xây dựng kế hoạch và triển khai việc khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực để đưa ra dự báo nhu cầu nguồn nhân lực làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp; phân tích dữ liệu tuyển sinh và mối liên quan giữa kết quả tuyển sinh với sinh viên trúng tuyển nhưng không nhập học/sinh viên xin thôi học/kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất để làm căn cứ điều chỉnh phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu mỗi phương thức tuyển sinh và tập trung vào “thị trường tuyển sinh tiềm năng”; phân tích nguyên nhân, đề xuất biện pháp hỗ trợ sinh viên cải thiện kết quả học tập, giảm tỉ lệ thôi học; tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ học tập; tổ chức seminar chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm trong công tác cố vấn học tập, hỗ trợ sinh viên; bổ sung cố vấn học tập nắm vững CTĐT, nhiệt tình, có kỹ năng cố vấn để giảm số lượng sinh viên/cố vấn học tập; phát huy vai trò của cựu sinh viên/câu lạc bộ cựu sinh viên trong hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho sinh viên; rà soát Quy chế khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, bổ sung đối tượng khảo sát liên quan, điều chỉnh số lượng khảo sát, câu hỏi khảo sát; thực hiện khảo sát, lấy ý kiến định kỳ của các bên liên quan về việc xây dựng chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh; về hoạt động hỗ trợ sinh viên trong học tập, ngoại khóa; định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên; về mức độ hài lòng môi trường tâm lý, xã hội...; phân tích kết quả khảo sát để có cải tiến phù hợp, hiệu quả.

9. Bố trí đủ diện tích phòng làm việc cho lãnh đạo khoa, phòng bộ môn, chỗ ngồi làm việc cho giảng viên đảm bảo đủ không gian cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; rà soát toàn bộ phần giáo trình, tài liệu tham khảo trong đề cương học phần để có kế hoạch viết, mua bổ sung, cập nhật nguồn học liệu đảm bảo cho sinh viên có đủ học liệu phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định; đầu tư, nâng cấp phòng thực hành mô phỏng khách sạn với đầy đủ các trang thiết bị chuyên dùng, nhằm đáp ứng hơn nữa nhu cầu về thực hành chuyên môn theo đúng yêu cầu của CTĐT; rà soát, điều chỉnh bộ câu hỏi lấy ý kiến của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin một cách chuyên sâu đảm bảo xác định được vấn đề cần cải tiến; ban hành quy định, giám sát việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an ninh, an toàn trong Học viện; định kỳ tổ chức đánh giá mức độ độc hại môi trường và an toàn sức khỏe lao động để có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng môi trường học tập và làm việc.

10. Khảo sát, lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài học viện về nhu cầu, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm làm cơ sở xây dựng/rà soát CTĐT; ban hành quy định về rà soát, đánh giá các quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; có chính sách khuyến khích giảng viên, nghiên cứu về phát triển chương trình dạy

học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; xây dựng và ban hành quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện, xác định cơ chế kết nối hiệu quả nâng cao chất lượng hoạt động.

11. Có giải pháp hiệu quả hơn để tiếp tục giảm tỉ lệ sinh viên thôi học và chậm tốt nghiệp; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo với việc bổ sung chức năng thống kê báo cáo, lưu trữ tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khoá đào tạo; phân tích sâu hơn kết quả khảo sát việc làm của sinh viên để cải tiến CTĐT và phương pháp giảng dạy; nâng cao chất lượng đối sánh về tỉ lệ sinh viên thôi học, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên với sinh viên cùng CTĐT của các trường đại học khác để cải tiến chất lượng; cải tiến hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để kết quả khảo sát thực sự có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Giới và Phát triển, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành.